

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ BẾN CÁT  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2020/HNGĐST  
Ngày: 10-9-2020  
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Duyên.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Thắm;
2. Ông Nguyễn Mạnh Hùng.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Bùi Thị Hương Giang – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Xuân Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 697/2020/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 135/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 14/8/2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1980; hộ khẩu thường trú: Ấp B, xã Phú An, thị xã B, tỉnh Bình Dương. Có mặt.

- Bị đơn: Ông Vũ Văn V, sinh năm 1977; hộ khẩu thường trú: Xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; tạm trú: Ấp B, xã P, thị xã B, tỉnh Bình Dương. Có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo Đơn khởi kiện đề ngày 27/7/2020, đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đề ngày 14/8/2020 và lời khai trong quá trình tham gia tố tụng cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:*

Bà T và ông Vũ Văn V chung sống với nhau từ năm 2009, có tổ chức cưới hỏi nhưng không đăng ký kết hôn. Hôn nhân là hoàn toàn tự nguyện.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến giữa năm 2009 thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính

cách không hợp nhau, không có tiếng nói chung, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã. Nay bà T cho rằng mâu thuẫn hôn nhân giữa bà và ông V đã quá trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, thời gian mâu thuẫn đã kéo dài quá lâu nhưng vợ chồng không thể hàn gắn được nên bà T yêu cầu được ly hôn với ông Vũ Văn V.

Về con chung: Quá trình chung sống bà T và ông V có 02 con chung là cháu Nguyễn Vũ Triệu V, sinh ngày 04/11/2010 và cháu Nguyễn Vũ Tâm N, sinh ngày 01/11/2011. Bà Nguyễn Thị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc 02 con chung và yêu cầu ông Vũ Văn V cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Ngày 14/8/2020 bà T bà đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện không yêu cầu ông Vũ Văn V cấp dưỡng nuôi 02 con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại Bản tự khai ngày 14/8/2020 cũng như tại phiên tòa, bị đơn ông Vũ Văn V trình bày:*

Thông nhất như lời trình bày của nguyên đơn về thời điểm sống chung, con chung, tài sản chung, nợ chung và đăng ký kết hôn.

Về nguyên nhân mâu thuẫn ông V cho rằng cuộc sống vợ chồng giữa ông V và bà T không hạnh phúc, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Nay ông V xác định tình cảm vợ chồng không còn, sống không hạnh phúc, không thể hàn gắn được nên trước yêu cầu của bà T, ông V đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 02 con chung là cháu Nguyễn Vũ Triệu V, sinh ngày 04/11/2010 và cháu Nguyễn Vũ Tâm N, sinh ngày 01/11/2011. Khi ly hôn ông V đồng ý giao 02 con chung cho bà Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn ông Vũ Văn V vẫn giữ nguyên ý kiến và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ý kiến phát biểu của vị đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát:

1. Về tố tụng:

Việc thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ của Thẩm phán được thực hiện đúng theo quy định.

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

## 2. Về nội dung:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Ngày 14/8/2020, bà T làm đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy đây là sự tự nguyện của nguyên đơn nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy:

### [1] Về tố tụng:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T khởi kiện bị đơn ông Vũ Văn V về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con chung. Bị đơn ông Vũ Văn V có địa chỉ cư trú tại thị xã B, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

### [2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T và ông Vũ Văn V tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2009, có tổ chức cưới hỏi nhưng không đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Thời gian bà T và ông V chung sống với nhau từ năm 2009 đến nay là 11 năm nhưng vẫn không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xét thấy, tình cảm vợ chồng giữa hai bên không còn thiện chí chung sống, vợ chồng đã ly thân, hai bên đều có nguyện vọng trả tự do cho nhau. Cho thấy mâu thuẫn giữa hai bên đã trầm trọng không thể hàn gắn được, nên cần giải quyết dứt điểm để ổn định cuộc sống cho hai bên. Căn cứ vào điểm c mục 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, cần tuyên bố không công nhận bà Nguyễn Thị T và ông Vũ Văn V là vợ chồng.

[2.2] Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Vũ Triệu V, sinh ngày 04/11/2010 và cháu Nguyễn Vũ Tâm N, sinh ngày 01/11/2011. Bà Nguyễn Thị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc 02 con chung và yêu cầu ông Vũ Văn V cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Ngày 14/8/2020 bà T có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện không yêu cầu ông Vũ Văn V cấp dưỡng nuôi 02 con chung. Xét việc xin rút một phần yêu cầu khởi kiện của bà T là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy cháu Nguyễn Vũ Triệu V và cháu Nguyễn Vũ Tâm N đã trên 7 tuổi, 02 cháu đều có nguyện vọng được sống chung với mẹ. Tại phiên tòa hôm nay bà T và ông V đều thỏa thuận thống nhất giao 02 con chung là cháu Nguyễn Vũ Triệu V, sinh ngày 04/11/2010 và cháu Nguyễn Vũ Tâm N, sinh ngày 01/11/2011 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung. Ông Vũ Văn V không phải cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy sự thỏa thuận giữa nguyên đơn và bị đơn là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử chấp nhận giao 02 cháu V và cháu N cho bà T nuôi dưỡng.

Ông V được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 9, khoản 1 Điều 14, các Điều 53, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 244 và Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm c mục 3 Nghị quyết 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### **Tuyên xử:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T đối với bị đơn ông Vũ Văn V về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con chung.

1. Về hôn nhân: Không công nhận bà Nguyễn Thị T và ông Vũ Văn V là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao 02 con chung cháu Nguyễn Vũ Triệu V, sinh ngày 04/11/2010 và cháu Nguyễn Vũ Tâm N, sinh ngày 01/11/2011 cho bà Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc con chung. Bà T không yêu cầu ông Vũ Văn V cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông V được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản. Khi cần thiết, một trong hai bên đều có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người nuôi con hoặc trợ cấp nuôi con.

3. Đình chỉ xét xử phân yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: Bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0047964 quyền số AA/2016 ngày 05/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bến Cát.

Nguyên đơn và bị đơn có mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Tòa tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Bến Cát;
- Chi cục THADS thị xã Bến Cát;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Duyên**

**HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Duyên**







